

CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Chứng nhận lần đầu: ngày **09** tháng 02 năm 2021

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Văn bản số 8909/BKHĐT-PC ngày 31/12/2020 và số 324/BKHĐT-PC ngày 20/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc triển khai thi hành Luật Đầu tư;

Theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo Công ty TNHH Phát triển Năng lượng và Nông nghiệp Công nghệ cao Quảng Trị nộp lần đầu ngày 18/9/2020, nộp lần thứ hai ngày 12/11/2020, nộp lần thứ 3 ngày 23/12/2020 và hồ sơ bổ sung ngày 21/01/2021;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 39/BC-SKH-DN ngày 22/01/2021 về việc thẩm định dự án “Trang trại chăn nuôi công nghệ cao kết hợp điện mặt trời áp mái” của Công ty TNHH Phát triển Năng lượng và Nông nghiệp Công nghệ cao Quảng Trị.

CHẤP THUẬN:

1. Tên dự án: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI CÔNG NGHỆ CAO KẾT HỢP ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*)
1	Chăn nuôi heo nái, heo thịt	Chăn nuôi lợn	0145	
2	Chăn nuôi bò thịt	Chăn nuôi trâu, bò	0141	
3	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời qua hệ thống pin năng lượng mặt trời, Sản xuất điện	Sản xuất điện	3511	

	sinh khối từ chất thải chăn nuôi, gỗ, thủy điện.			
4	Trồng cây nông, lâm nghiệp lâu năm	Trồng cây lâu năm khác	0129	
5	Cho thuê mặt bằng mái, trang trại chăn nuôi	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810	
6	Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620	
7	Kinh doanh phân bón và chất thải	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669	
8	Xử lý chất thải sinh hoạt	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821	

3. Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Xa Bai, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

4. Quy mô dự án:

4.1. Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng: 136,007 ha đất dự án và 1,5846 ha cho hành lang lưới điện phục vụ dự án.

4.2. Công suất thiết kế: Dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ cao kết hợp điện mặt trời áp mái bao gồm các hợp phần sau:

- Hợp phần 1: Trang trại lợn quy mô 7.500 con lợn nái và 72.000 con lợn thịt chia thành 03 modul tiêu chuẩn. Mỗi modul 2.500 con lợn nái giống và 24.000 con lợn thịt được đầu tư xây dựng theo tiêu chuẩn công nghệ mới, đáp ứng được những yêu cầu chung thiết kế và phối hợp các bộ phận thành một hệ thống hoàn chỉnh;

- Hợp phần 2: Hệ thống điện mặt trời áp mái trên các mái chuồng của dự án quy mô khoảng 10MWp;

- Hợp phần 3: Trang trại nuôi bò quy mô 1.000 con bò thịt giống và vỗ béo. Khu vực chăn nuôi bò cách xa khu vực chăn nuôi lợn đảm bảo theo quy chuẩn và tiêu chuẩn chăn nuôi về an toàn dịch bệnh.

4.3. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Kinh doanh cho thuê trang trại chăn nuôi;
- Trực tiếp thực hiện chăn nuôi gia súc;
- Kinh doanh cho thuê mặt bằng mái các công trình của dự án;
- Vận hành sản xuất điện từ năng lượng mặt trời;
- Vận hành hệ thống xử lý chất thải và sản xuất và kinh doanh phân bón và chất thải chăn nuôi;
- Sản xuất điện sinh khối từ chất thải chăn nuôi, gỗ, thủy điện;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Trồng cây nông, lâm nghiệp lâu năm.

4.4. Quy mô kiến trúc xây dựng:

* Giai đoạn 1: Từ tháng 3/2021 - 9/2021: Thi công xây dựng 01 trang trại lợn, xây lắp hệ thống điện áp mái và xây lắp hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án như điện, nước, giao thông...

- Tổng diện tích xây dựng các hạng mục Giai đoạn 1 là: 17,5 ha.
- Diện tích lắp đặt điện mặt trời (đảm bảo 10 hệ thống, mỗi hệ thống không quá 01MWp) là 3,8 ha.

STT	Hạng mục công trình dự án	Đơn vị	Khối lượng		
			01 trang trại	Số trang trại	cả dự án
I	Khu nuôi lợn				
1	Cổng chính; cổng phụ; bảng hiệu	Hệ thống	1	1	1
2	Nhà sát trùng xe, hồ sát trùng xe tại cổng	m ²	70	1	70
3	Tường rào xây kín	m	1.630	1	1.630
4	Hàng rào thép gai	m	2.000	1	2.000
5	Đường giao thông ngoài tường rào	m	1.403	1	1.403
6	Nhà bảo vệ khép kín	m ²	30	1	30
7	Nhà ở kỹ thuật + Quản lý	m ²	120	1	120
8	Nhà ở công nhân phòng khép kín	m ²	288	1	288

STT	Hạng mục công trình dự án	Đơn vị	Khối lượng		
			01 trang trại	Số trang trại	cả dự án
9	Nhà bếp, nhà ăn	m2	300	1	300
10	Nhà để xe	m2	260	1	260
11	Tháp pha thuốc	m3	48	1	48
12	Tháp cấp nước uống	m3	180	1	180
13	Hồ chứa nước	m3	3.000	1	3.000
14	Nhà sát trùng cổng phụ, hồ sát trùng	m2	19	1	19
15	Khu sát trùng ngoài cổng	m2	46	1	46
16	Nhà sát trùng người vào khu chăn nuôi	m2	101	1	101
17	Khu giặt đồ bảo hộ	m2	14	1	14
18	Nhà điều hành điều hành chính khép kín	m2	204	1	204
19	Nhà nghỉ trưa	m2	91	1	91
20	Kho cám	m2	69	1	69
21	Kho cơ khí, kho vôi, kho rác	m2	28	1	28
22	Kho vôi	m2	28	1	28
23	Kho phế liệu	m2	28	1	28
24	Kho thuốc	m2	28	1	28
25	Nhà chờ xuất heo	m2	40	1	40
26	Nhà heo thịt (chuồng hầm)	m2	25.663	1	25.663
27	Nhà heo hậu bị - đực- lấy tinh - phối - an thai	m2	4.208	1	4.208
28	Nhà heo cai sữa	m2	4.536	1	4.536
29	Nhà heo mang thai	m2	3.468	1	3.468
30	Nhà heo nái đẻ	m2	4.624	1	4.624
31	Chuồng heo cách ly	m2	212	1	212
32	Hố thu chất thải đầu dãy chuồng	m3	6.600	1	6.600
33	Hầm biogas	m3	19.000	1	19.000

STT	Hạng mục công trình dự án	Đơn vị	Khối lượng		
			01 trang trại	Số trang trại	cả dự án
34	Hồ lắng xử lý nước thải	m3	180.000	1	180.000
35	Nhà chứa phân	m2	200	1	200
36	Hệ thống đường dẫn heo có mái che	m	1.798	1	1.798
37	Hệ thống đường nội bộ có mái che	m	500	1	500
38	Bể ngâm dụng cụ	m3	88	1	88
39	Hệ thống cấp thoát nước	Gói	1	1	1
40	Hố hủy xác	m3	576	1	576
41	Lò đốt xác	m2	6	1	6
42	Sân phơi phân bùn	m2	200	1	200
43	Trạm cân 80 tấn	Gói	1	1	1
44	San lấp mặt bằng	m3	14.180	1	14.180
45	Nhà đặt máy phát điện	m2	91	1	91
46	Sân vườn cảnh quan	m2	56.720	1	56.720
III	Cấp điện ngoài công trình				
1	Phần đường dây trung áp	km	4	1	4
2	Trạm biến áp 1250 KVA	Gói	1	1	1
IV	Hệ thống điện mặt trời trên mái chuồng	MWp	10	1	10

* Giai đoạn 2: Từ tháng 10/2021 - 12/2022: Thi công xây dựng 02 trang trại lợn, 01 trang trại bò và xây lắp hệ thống hạ tầng kỹ thuật từng trại...

- Tổng diện tích xây dựng các hạng mục Giai đoạn 2 là: 18,3 ha.

STT	Hạng mục công trình dự án	Đơn vị	Khối lượng		
			01 trang trại	Số trang trại	cả dự án
I	Khu nuôi lợn				
1	Công chính; công phụ; bảng hiệu	Hệ thống	1	2	2

STT	Hạng mục công trình dự án	Đơn vị	Khối lượng		
			01 trang trại	Số trang trại	cả dự án
2	Nhà sát trùng xe, hồ sát trùng xe tại cổng	m2	70	2	141
3	Tường rào xây kín	m	1.630	2	3.259
4	Hàng rào thép gai	m	2.000	2	4.000
5	Đường giao thông ngoài tường rào	m	1.403	2	2.805
6	Nhà bảo vệ khép kín	m2	30	2	60
7	Nhà ở kỹ thuật + Quản lý	m2	120	2	240
8	Nhà ở công nhân phòng khép kín	m2	288	2	576
9	Nhà bếp, nhà ăn	m2	300	2	600
10	Nhà để xe	m2	260	2	520
11	Tháp pha thuốc	m3	48	2	96
12	Tháp cấp nước uống	m3	180	2	360
13	Hồ chứa nước	m3	3.000	2	6.000
14	Nhà sát trùng cổng phụ, hồ sát trùng	m2	19	2	38
15	Khu sát trùng ngoài cổng	m2	46	2	92
16	Nhà sát trùng người vào khu chăn nuôi	m2	101	2	202
17	Khu giặt đồ bảo hộ	m2	14	2	28
18	Nhà điều hành điều hành chính khép kín	m2	204	2	408
19	Nhà nghỉ trưa	m2	91	2	182
20	Kho cám	m2	69	2	139
21	Kho cơ khí, kho vôi, kho rác	m2	28	2	56
22	Kho vôi	m2	28	2	56
23	Kho phế liệu	m2	28	2	56
24	Kho thuốc	m2	28	2	56
25	Nhà chờ xuất heo	m2	40	2	80

STT	Hạng mục công trình dự án	Đơn vị	Khối lượng		
			01 trang trại	Số trang trại	cả dự án
26	Nhà heo thịt (chuồng hầm)	m2	25.663	2	51.325
27	Nhà heo hậu bị - đực- lấy tinh - phối - an thai	m2	4.208	2	8.417
28	Nhà heo cai sữa	m2	4.536	2	9.072
29	Nhà heo mang thai	m2	3.468	2	6.936
30	Nhà heo nái đẻ	m2	4.624	2	9.248
31	Chuồng heo cách ly	m2	212	2	424
32	Hồ thu chất thải đầu dãy chuồng	m3	6.600	2	13.200
33	Hầm biogas	m3	19.000	2	38.000
34	Hồ lắng xử lý nước thải	m3	180.000	2	360.000
35	Nhà chứa phân	m2	200	2	400
36	Hệ thống đường dẫn heo có mái che	m	1.798	2	3.596
37	Hệ thống đường nội bộ có mái che	m	500	2	1.000
38	Bể ngâm dụng cụ	m3	88	2	176
39	Hệ thống cấp thoát nước	Gói	1	2	2
40	Hồ hủy xác	m3	576	2	1.152
41	Lò đốt xác	m2	6	2	12
42	Sân phơi phân bùn	m2	200	2	400
43	Trạm cân 80 tấn	Gói	1	2	2
44	San lấp mặt bằng	m3	14.180	2	28.360
45	Nhà đặt máy phát điện	m2	91	2	182
46	Sân vườn cảnh quan	m2	56.720	2	113.440
II	Khu nuôi bò				
1	Hố sát trùng xe	m2	60	1	60
2	Nhà bảo vệ	m2	16	1	16
3	Nhà để xe	m2	75	1	75
4	Nhà công nhân	m2	464	1	464

STT	Hạng mục công trình dự án	Đơn vị	Khối lượng		
			01 trang trại	Số trang trại	cả dự án
5	Nhà văn phòng	m2	167	1	167
6	Khu ủ chua, nhà cò tươi	m2	1.080	1	1.080
7	Kho thức ăn tinh	m2	480	1	480
8	Khu chế biến thức ăn tinh	m2	560	1	560
9	Chuồng bò đẻ	m2	936	1	936
10	Chuồng bê	m2	458	1	458
11	Chuồng bò thịt số 1	m2	2.880	1	2.880
12	Chuồng bò thịt số 2	m2	2.880	1	2.880
13	Chuồng bò thịt số 3	m2	2.880	1	2.880
14	Khu lên xuống bò	m2	397	1	397
15	Nhà đặt máy phát điện	m2	40	1	40
16	Trạm cân	Gói	1	1	1
17	Bể nước ngầm, trạm bơm	m3	200	1	200
18	Bồn chứa mật đường	m2	46	1	46
19	Hệ thống đồng cỏ	Gói	1	1	1
20	Hầm biogas	m3	7.500	1	7.500
21	Hồ xử lý nước thải	m3	14.000	1	14.000
22	Hồ chứa xử lý sinh thái bằng lục bình	m3	3.000	1	3.000
23	Hồ thu phân	m2	25	1	25
24	Nhà chứa phân	m2	380	1	380
25	Kho chất thải thông thường	m2	60	1	60
26	Kho chất thải nguy hại	m2	60	1	60
27	Hệ thống xử lý nước thải	Gói	1	1	1
28	Hệ thống cấp nước và PCCC	Gói	1	1	1
29	Hệ thống cấp điện + chiếu sáng	Gói	1	1	1
30	Hệ thống chống sét	Gói	1	1	1
31	San lấp mặt bằng	m3	17.500	1	17.500

STT	Hạng mục công trình dự án	Đơn vị	Khối lượng		
			01 trang trại	Số trang trại	cả dự án
32	Sân chơi của bò	m2	3.000	1	3.000
33	Cổng chính; cổng phụ; bảng hiệu	Hệ thống	1	1	1
34	Tường rào	m	818	1	818

5. Tiến độ thực hiện dự án:

5.1. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

Đơn vị tính: 1.000.000đ

STT	Nội dung	Tổng cộng	Năm 2021 (GD1)		Năm 2022 (GD2)	
			Quý 1+2/2021	Quý 3+4/2021	Quý 1+2/2021	Quý 3+4/2021
I	Phân bổ vốn theo tiến độ xây dựng	100%	35%	30%	30%	5%
II	Nhu cầu vốn	842.911	270.447	225.783	225.738	37.811
III	Nguồn vốn	842.911				
1	Vốn tự có của Chủ đầu tư	205.103	128.527	17.789	28.501	30.286
2	Vốn vay thương mại	637.608	148.998	225.512	225.512	37.585
3	Vốn huy động khác	200				

5.2. Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

- a. Tiến độ hoàn thành các thủ tục đầu tư để được bàn giao mặt bằng
 - Tháng 3/2020 đến tháng 01/2021: Chuẩn bị dự án đầu tư;
 - Tháng 01/2021 đến tháng 3/2021: Đền bù giải phóng mặt bằng, triển khai thi công.
- b. Tiến độ đầu tư xây dựng dự án
 - Giai đoạn 1 (từ tháng 3/2021 đến tháng 9/2021): Thi công xây dựng 01 trang trại lợn, xây lắp hệ thống điện áp mái và xây lắp hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án như điện, nước, giao thông...

- Giai đoạn 2 (từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2022): Thi công xây dựng 02 trang trại lợn, 01 trang trại bò và xây lắp hệ thống hạ tầng kỹ thuật từng trại...

c. Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/hoạt động

- Tháng 9/2021 đến tháng 12/2065: Dự án vận hành sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

- Tháng 01/2066 đến tháng 12/2070: Dọn dẹp, bàn giao lại khu đất trả lại địa phương.

6. Thời hạn thực hiện dự án: 50 năm.

7. Nhà đầu tư thực hiện dự án

a. Nhà đầu tư: **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VÀ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO QUẢNG TRỊ;**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200718315;

Cấp ngày: 21/12/2020;

Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị;

Địa chỉ trụ sở: Số 3 đường Đội Cán, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Nguyễn Đức Thành; Giới tính: Nam;

Chức danh: Giám đốc; Sinh ngày: 26/9/1993;

Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân: 197262296;

Ngày cấp: 27/4/2017; Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị;

Địa chỉ thường trú: Khu phố 9, Phường Đông Lễ, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;

Chỗ ở hiện tại: Khu phố 9, Phường Đông Lễ, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;

Điện thoại: 0912.066.431 hoặc 0983.414.900

b. Dự kiến tổng vốn đầu tư của dự án trước thuế: **842.911.000.000 đồng** (Tám trăm bốn mươi hai tỷ chín trăm mười một triệu đồng), tương đương **36.442.325 USD** (Ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm hai mươi lăm đô la Mỹ), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 205.103.000.000 đồng (Hai trăm linh năm tỷ một trăm linh ba triệu đồng), tương đương 8.867.401 USD (Tám triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm linh một đô la Mỹ).

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Công ty TNHH Phát triển Năng lượng và Nông nghiệp Công nghệ cao Quảng Trị	205.103.000.000	8.867.401	100	Tiền mặt, tài sản	Theo tiến độ dự án
	Tổng cộng	205.103.000.000	8.867.401	100		

- Vốn huy động bằng vốn vay thương mại: 637.608.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy tỷ sáu trăm linh tám triệu đồng), tương đương 27.566.277 USD (Hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi bảy đô la Mỹ).

Tiến độ huy động vốn theo tiến độ xây dựng dự án như sau:

(ĐVT: 1.000.000 đồng)

Tiền độ góp vốn	Tổng cộng	Giai đoạn 1		Giai đoạn 2	
		Quý 1+2/2021	Quý 3+4/2021	Quý 1+2/2021	Quý 3+4/2021
Vốn vay thương mại	637.608	148.998	225.512	225.512	37.586

- Vốn khác: Vốn lưu động phục vụ hoạt động dự án: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), tương đương 8.634 USD (Tám nghìn sáu trăm ba mươi bốn đô la Mỹ).

8. Dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư (Các Điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án):

8.1. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư:

Điều kiện áp dụng: Dự án “Trang trại chăn nuôi công nghệ cao kết hợp điện mặt trời áp mái” thực hiện tại huyện Hướng Hóa thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được ưu đãi đầu tư, trong đó có miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên việc thuê đất được áp dụng thực hiện không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

Áp dụng hình thức: Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm d Khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư năm 2020.

8.1. Điều kiện đối với Công ty TNHH Phát triển Năng lượng và Nông nghiệp Công nghệ cao Quảng Trị:

- Tiếp thu ý kiến các Sở, Ban ngành liên quan để có phương án xử lý nhằm đảm bảo triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ và nội dung đã cam kết, tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Bảo vệ môi trường, Luật phòng cháy chữa cháy, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Thuế và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Sau khi được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, yêu cầu Công ty tiếp tục triển khai các nội dung sau:

+ Phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan để thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với mục tiêu dự án, bổ sung dự án vào quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất của huyện Hướng Hóa.

+ Thực hiện dự án phù hợp với phạm vi ranh giới được chấp thuận chủ trương đầu tư; Quá trình thực hiện dự án yêu cầu Công ty không làm ảnh hưởng đến rừng tự nhiên và rừng trồng ngoài ranh giới khu vực dự án, đồng thời tăng cường công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

+ Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

+ Thực hiện đúng các hướng dẫn, thủ tục, điều kiện về hoạt động điện mặt trời mái nhà theo quy định tại Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam, Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17/7/2020 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời và Văn bản số 7088/BCT-ĐL ngày 22/9/2020 của Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện phát triển điện mặt trời mái nhà và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

+ Cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan cho chính quyền địa phương biết để quản lý và giám sát. Quá trình triển khai, đề nghị Chủ dự án thực hiện theo mục đích, kế hoạch được phê duyệt và có phương án đảm bảo vấn đề môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định; thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Trong trường hợp dự án có diện tích chồng lấn với các dự án khác đã được phê duyệt chủ trương đầu tư trước thời điểm dự án “Trang trại chăn nuôi công nghệ cao kết hợp điện mặt trời áp mái” được chấp thuận chủ trương đầu tư; Nhà đầu tư phải thực hiện đúng nội dung đã cam kết, tuân thủ quy định của pháp luật và chấp hành sự chỉ đạo của UBND tỉnh trong điều chỉnh, giải quyết phần diện tích đất bị chồng lấn.

- Sử dụng các máy móc, thiết bị công nghệ trong sản xuất kinh doanh đảm bảo có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, công nghệ tiên tiến, hiện đại tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 và Quyết định số 34/2019/QĐ-TTg ngày 18/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật liên quan.

- Thực hiện ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 43 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

9. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Dự án đầu tư “Trang trại chăn nuôi công nghệ cao kết hợp điện mặt trời áp mái” tại Thôn Xa Bai, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị của Công ty TNHH Phát triển Năng lượng và Nông nghiệp Công nghệ cao Quảng Trị được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Một số cơ chế, chính sách đặc biệt:

9.1. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

Cơ sở pháp lý: Áp dụng quy định tại Luật Đất đai ngày 29/11/2013 và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án có ngành nghề ưu đãi đầu tư, thực hiện tại địa bàn ưu đãi đầu tư.

9.2. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý: Áp dụng quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư mới thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, thực hiện tại địa bàn ưu đãi đầu tư.

9.3. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý: Áp dụng theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư mới thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, thực hiện tại địa bàn ưu đãi đầu tư.

10. Thời điểm có hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư: Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chấp thuận chủ trương đầu tư sẽ chấm dứt hiệu lực trong trường hợp Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư 2020.

11. Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần: Dự án bao gồm 02 giai đoạn, cụ thể như sau:

Tiến độ hoàn thành các thủ tục đầu tư để được bàn giao mặt bằng

- Tháng 3/2020 đến tháng 01/2021: Chuẩn bị dự án đầu tư;
- Tháng 01/2021 đến tháng 3/2021: Đền bù giải phóng mặt bằng, triển khai thi công.

a. Giai đoạn 1: Từ tháng 3/2021 - 9/2021: Thi công xây dựng 01 trang trại lợn, xây lắp hệ thống điện áp mái và xây lắp hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án như điện, nước, giao thông...

- Tổng diện tích xây dựng các hạng mục Giai đoạn 1 là: 17,5 ha
- Diện tích lấp đất điện mặt trời (đảm bảo 10 hệ thống) là 3,8 ha.

b. Giai đoạn 2: Từ tháng 10/2021 - 12/2022: Thi công xây dựng 02 trang trại lợn, 01 trang trại bò và xây lắp hệ thống hạ tầng kỹ thuật từng trại...

- Tổng diện tích xây dựng các hạng mục Giai đoạn 2 là: 18,3 ha.

12. Văn bản này được cấp cho Công ty TNHH Phát triển Năng lượng và Nông nghiệp Công nghệ cao Quảng Trị; một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại UBND tỉnh Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- Như Mục 12;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: CT, XD, TN&MT, TC, NN&PTNT, KH&CN;
- UBND huyện Hướng Hóa;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN(K), CN. *tc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng